TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2017/HC-PT
Ngày 18 tháng 10 năm 2017
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Bình;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2017/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2017 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2016/HCST ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Toà án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2017/QĐHC-PT ngày 07 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

***Người khởi kiện*:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1939; cư trú tại: Ấp VB, xã VĐ, huyện TH, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Lữ Bạch L, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 89 đường Nguyễn Du, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện*: Luật sư Nguyễn Ngọc L1 - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Huỳnh Thanh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Hoàng Văn L2 - Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Long An (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*: Ông Võ Văn C1 - Phó Chánh Thanh tra - Sở Tài nguyên môi trường tỉnh LA. Theo văn bản cử số: 1699/UBND-TCD ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh LA (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NLQ; cư trú tại: Ấp VN, xã VB, huyện TH, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1975; cư trú tại: Thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An (có mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện – bà Nguyễn Thị C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 19/4/2016, bản tự khai của bà Nguyễn Thị C và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Ngày 07/5/2014, Ủy ban nhân dân huyện TH ban hành quyết định số 401/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 208064 số vào sổ 00808 do Ủy ban nhân dân huyện TH cấp ngày 16/11/1996 cho bà Nguyễn Thị C, thửa đất số 72, tờ bản đồ số 10, diện tích sử dụng 5.011m^2 (đã trừ diện tích chuyển nhượng), loại đất lúa, tọa lạc tại xã VĐ, huyện TH, với lý do: Việc cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị C là trái pháp luật.

Bà C không đồng ý nên làm đơn khiếu nại với hai nội dung: Yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà ngày 16/11/1996, số vào sổ 00808, ký hiệu I 208064; khiếu nại quyết định 401/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của Ủy ban nhân dân huyện TH về việc thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà.

Đến ngày 13/4/2015, gia đình bà C nhận được quyết định 189/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH với nội dung: Bác nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà. Bà Nguyễn Thị C không đồng ý với nội dung quyết định trên nên khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh LA.

Ngày 11/3/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA ban hành quyết định 831/QĐ-UBND có nội dung: Giữ y quyết định 189 và bác đơn khiếu nại của bà C. Lý do: Phần đất diện tích 5.011m^2 là do ông NLQ sử dụng từ năm 1992 đến năm 2009 ông NLQ chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị M một phần, phần còn lại là đất tranh chấp. Mặt khác, việc bà Nguyễn Thị C được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái quy định của pháp luật.

Theo bà C, các quyết định nêu trên là hoàn toàn không đúng với thực tế, xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà. Phần đất diện tích 35.742m^2, tọa lạc tại xã VĐ, huyện TH có nguồn gốc là do NTLA khai phá đến thời kỳ tập đoàn quản lý thì tập đoàn mua lại của Nông trường, sau đó mới chia cho chồng

bà là ông Nguyễn Văn Đ sử dụng canh tác. Đến năm 1996, bà được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lúc nhận đất của NTLA ngoài chồng bà còn có các ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn O, ông Nguyễn Minh C2, ông NLQ. Sau khi nhận mỗi người đều đắp bờ ranh rõ ràng. Phần đất của bà nằm trên kênh 2 tháng 9, hướng từ kênh 79 đi vô, trước tiên là đất của ông BC *(do ông N canh tác)*, đến đất của bà, tới đất ông NLQ và kế tiếp là của những người khác. Gia đình bà sử dụng đến cấp giấy CNQSDĐ ngày 11/6/1996 không ai tranh chấp hoặc khiếu nại, đến tháng 01/2003 thì bà chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị P một phần thửa 72 với diện tích 30.731m^2 còn lại 5.011m^2 (do vượt hạn điền nên không chuyển nhượng hết). Sau khi chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị P xong thì bà đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân huyện TH để điều chỉnh và sau đó đến nhận giấy thì Ủy ban bảo đã chuyển qua Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, bà đến thì nói chuyển về xã VĐ, bà về xã hỏi thì nói hồ sơ ở huyện. Bà C đi lại nhiều lần nhưng không nơi nào giải quyết. Mất quá nhiều thời gian và do bận làm ăn nên bà không đi hỏi nữa và bà nghĩ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà sẽ được điều chỉnh.

Phần đất mà ông NLQ nhận, ông bỏ hoang và sau đó chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị M. Bà M mới khai phá làm lúa và bà M lấn chiếm phần còn lại của bà nên bà thưa và chính quyền ấp mời giải quyết buộc bà M trả lại cho bà phần đất diện tích 5.011m^2 và bà M đồng ý (có biên bản giải quyết ngày 29/7/2013).

Ông NLQ không có canh tác phần đất nhận từ NTLA và sau đó chuyển nhượng lại cho bà M. Do đó, quyết định 401/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện TH cho rằng ông NLQ trồng tràm và khai thác nhiều lần trên thửa 623 (nhận từ Nông trường) và phần còn lại thửa 72 (của bà) là hoàn toàn sai sự thật. Điều này có những người canh tác ở gần biết và có làm giấy xác nhận.

Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định 831/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA, Quyết định 189/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH và Quyết định 401/QĐ-UBND ngày 07/05/2014 của Ủy ban nhân dân huyện TH. Đồng thời buộc Ủy ban nhân dân huyện TH cấp lại cho bà phần đất diện tích 5.011m^2 tọa lạc tại xã VB, huyện TH.

Ông Huỳnh Thanh H - đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện TH và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH là người bị kiện trình bày như sau:

- Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Năm 1992, NTLA giải thể, để lại phần đất tràm cho 7 hộ phân chia sử dụng. Theo đó, ông Nguyễn Minh C2 và ông Nguyễn Văn T đất ở hai bìa ngoài ít tràm nên được chia mỗi hộ khoảng 3,5ha; còn lại 5 hộ ông Nguyễn Văn Đ, NLQ, Phạm Bút Ký, Nguyễn Văn O và Phạm Văn L3 đất ở bên trong nhiều tràm nên được chia mỗi hộ khoảng 3ha. Đất của ông Nguyễn Văn Đ (chồng bà C) giáp ranh với đất của ông NLQ, có diễn biến như sau: Ông NLQ được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 623, diện tích 24.920m^2, loại đất trồng tràm, tờ bản đồ số

10, xã VĐ, huyện TH vào ngày 26/8/2009 (hiện nay không tranh chấp). Còn bà Nguyễn Thị C được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 72, loại đất lúa, tờ bản đồ số 10, xã VĐ, huyện TH diện tích 35.742m^2 vào ngày 16/11/1996; trong đó đất gia đình bà C là 30.731m^2 và đất của ông NLQ trồng tràm 5.011m^2. Năm 2003, bà C chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích 30.731m^2, thuộc một phần thửa 72 cho bà Nguyễn Thị P, đến ngày 24/01/2003 bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa mới là 649). Sau khi chuyển nhượng, diện tích còn lại trong giấy là 5.011m^2, thực tế là ông NLQ sử dụng trồng tràm. Qua xác minh, thời điểm năm 2003, bà C chỉ trồng lúa trên phần đất 30.731m^2 và đã chuyển nhượng cho bà P. Còn phần đất 5.011m^2 là đất tràm mọc lưa thưa, giữa phần đất 30.731m^2 với phần 5.011m^2 đã có bờ ranh từ trước. Năm 2009, ông NLQ chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị M sử dụng phần đất 24.920m^2, thửa 623, đồng thời ông NLQ giao luôn cho bà M phần đất 5.011m^2, thuộc một phần thửa 72 mà Ủy ban đã cấp cho bà C. Ngày 09/8/2010, bà C có đơn xin đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi Phòng Tài nguyên môi trường huyện TH với lý do: Thửa 72, tờ bản đồ số 10, diện tích 5.011m^2 bà Nguyễn Thị C đăng ký nhầm đất của ông NLQ. Bà C nộp đơn xin đính chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà tại Ủy ban nhân dân xã VĐ, Ủy ban nhân dân xã xác nhận nội dung đơn là đúng sự thật. Ngày 09/9/2010, Ủy ban nhân dân xã VĐ có Tờ trình số 06/TTr -UBND trình Ủy ban nhân dân huyện TH, Phòng Tài nguyên môi trường huyện xem xét, giải quyết thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị C. Sau đó, bà C không đồng ý điều chỉnh giấy chứng nhận, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà được giao trả lại cho Ủy ban nhân dân xã VĐ. Năm 2012, ông NLQ có đơn kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận của bà C.

- Quá trình giải quyết: Ngày 18/02/2014, Thanh tra huyện TH có báo cáo số 31/BC-TTr kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện TH giao Phòng Tài nguyên tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thu hồi giấy chứng nhận của bà C. Ngày 07/5/2014, Ủy ban nhân dân huyện TH ban hành quyết định 401/QĐ- UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận của bà C. Ngày 09/02/2015, Ủy ban nhân dân huyện TH ban hành quyết định 189/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của bà C, bà C không đồng ý và khiếu nại tiếp. Ngày 11/3/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA ban hành quyết định 831/QĐ- UBND bác đơn khiếu nại của bà C và giữ nguyên quyết định 189.

Do đó, nay bà C yêu cầu hủy các quyết định trên thì Ủy ban không đồng ý, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà C.

Ông Hoàng Văn L2 - đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA là người bị kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, trình bày như sau:

Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và quá trình giải quyết như Ủy ban nhân dân huyện TH đã trình bày. Các quyết định của Ủy ban được ban hành là đúng với trình tự quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu khởi kiện của bà C.

Ông Phạm Ngọc Đ - đại diện theo ủy quyền của ông NLQ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Phần đất 5.011m^2, thuộc một phần thửa 72 có nguồn gốc là của gia đình ông NLQ, ông NLQ sử dụng trồng tràm trên phần đất này. Ủy ban thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C là đúng với quy định của pháp luật. Bà C yêu cầu hủy các quyết định trên thì ông không đồng ý.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 26/2016/HCST ngày 04/11/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc hủy các Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA; Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH và Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của Ủy ban nhân dân huyện TH.

- Bác yêu cầu về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 5.011m^2 đất tọa lạc tại xã VB, huyện TH cho bà C.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/11/2016, ông Nguyễn Văn H1 là đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của người khởi kiện là bà Nguyễn Bạch L trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là hủy các quyết định của Ủy ban, nhưng Luật sư lại cho rằng án sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng vì không đưa tham gia tố tụng, triệu tập bà Nguyễn Thị M và Ủy ban nhân dân xã VĐ ra tòa với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cần phải hủy án sơ thẩm. Về nội dung án sơ thẩm chỉ căn cứ vào đơn xin đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C ngày 09/8/2010, gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TH với lý do: Thửa 72, tờ bản đồ số 10, diện tích 5.011m^2 bà Nguyễn Thị C đăng ký nhầm đất của ông NLQ và biên bản xác minh ngày 11/8/2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TH, chính bà C cũng xác nhận phần đất 5.011m^2 là của ông NLQ. Tuy nhiên hai văn bản này có nhiều điểm chưa hợp lý như đại diện cho bà C tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng bà C không ký tên, đơn của bà C và xác nhận của Ủy ban xã được đánh máy sẵn, trong khi bà C lớn tuổi không biết sử dụng vi tính và ở nông thôn nên không khách quan. Bà M tự nguyện trả đất cho bà C có xác nhận của Ủy ban xã ngày 27/7/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để xét xử lại cho đúng tố tụng và khách quan.

Đại diện hợp pháp của người bị kiện đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Long

an ông Võ Văn C1 trình bày: Qua xác minh phần đất 5.011m^2, thuộc một phần thửa 72 Ủy ban huyện đã cấp nhầm cho bà C từ năm 1996, nhưng trên thực tế từ năm 1992 đến năm 2009 ông NLQ sử dụng sau đó ông NLQ cho bà M mượn sử dụng, đến năm 2012 ông NLQ yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà C. Án sơ thẩm xử có căn cứ, đúng pháp luật đề nghị Tòa án giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc Đ trình bày: Án sơ thẩm đã xử là phù hợp với quá trình sử dụng đất của ông NLQ đối với phần đất tranh chấp và đúng pháp luật, đề nghị giữ nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các chứng cứ có ở hồ sơ xác định kháng cáo của bà C là trong hạn luật định, quá trình giải quyết vụ án Tòa án tuân theo Luật tố tụng, về nội dung giải quyết đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về thời hiệu khiếu nại: Khi cơ quan hành chính phát hiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính có sai sót thì có quyền xem xét lại, việc ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

[2]- Xét về nội dung các quyết định bị khởi kiện:

[2.1]- Ủy ban nhân dân huyện TH ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 401/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 và bác đơn khiếu nại của bà C tại quyết định 189/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH cũng như quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA là do: 5.011m^2 đất tranh chấp do ông NLQ được chính quyền địa phương giao từ năm 1992, từ khi giao đến năm 2009 ông NLQ sử dụng và sau đó cho bà M mượn sử dụng, từ khi tranh chấp đến nay ông NLQ sử dụng. Tuy bà C cho rằng 5.011m^2 đất tranh chấp bà C sử dụng nhưng lại thừa nhận năm 2009 đến 2013 bà M sử dụng, trên thực tế từ năm 2013 đến nay bà C cũng không sử dụng.

[2.2]- Theo các biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân huyện TH năm 1992, NTLA giải thể, để lại phần đất tràm cho 7 hộ phân chia sử dụng. Theo đó, ông Nguyễn Minh C2 và ông Nguyễn Văn T1 đất ở hai bìa ngoài ít tràm nên được chia mỗi hộ khoảng 3,5ha; còn lại 5 hộ ông Nguyễn Văn Đ, NLQ, Phạm Bút K, Nguyễn Văn O và Phạm Văn L3 đất ở bên trong nhiều tràm, nên được chia mỗi hộ khoảng 3ha. Đất của ông Nguyễn Văn Đ (chồng bà C) giáp ranh với đất của ông NLQ, ông NLQ được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 623, diện tích 24.920m^2, loại đất trồng tràm, tờ bản đồ số 10, xã VĐ, huyện TH vào ngày 26/8/2009 (hiện nay không tranh chấp).

Còn bà Nguyễn Thị C được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 72, loại đất lúa, tờ bản đồ số 10, xã VĐ, huyện TH diện tích 35.742m^2 vào ngày 16/11/1996; trong đó đất gia đình bà C là 30.731m^2 và đất của ông NLQ trồng tràm 5.011m^2. Năm 2003, bà C chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích 30.731m^2, thuộc một phần thửa 72 cho bà Nguyễn Thị P, đến ngày 24/01/2003 bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa mới là 649). Sau khi chuyển nhượng, diện tích còn lại trong giấy là 5.011m^2, đã có bờ ranh từ trước phân biệt riêng do ông NLQ sử dụng. Năm 2009, ông NLQ chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị M sử dụng phần đất 24.920m^2, thửa 623, đồng thời ông NLQ giao luôn cho bà M phần đất 5.011m^2, thuộc một phần thửa 72 mà Ủy ban đã cấp QSDĐ nhằm cho bà C. Ngày 09/8/2010, bà C có đơn xin đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TH với lý do: Thửa 72, tờ bản đồ số 10, diện tích 5.011m^2 bà Nguyễn Thị C đăng ký nhầm đất của ông NLQ. Bà C nộp đơn xin đính chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà tại Ủy ban nhân dân xã VĐ, Ủy ban nhân dân xã xác nhận nội dung đơn là đúng sự thật. Ngày 09/9/2010, Ủy ban nhân dân xã VĐ có Tờ trình số 06/TTr-UBND trình Ủy ban nhân dân huyện TH, Phòng Tài nguyên môi trường huyện xem xét, giải quyết thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị C.

[2.3]- Nay bà Nguyễn Thị C cho rằng 5.011m^2 là thuộc quyền sử dụng của bà nhưng chính bà là người đã nộp đơn ngày 09/8/2010 xin đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đăng ký nhầm 5.011m^2 đất của ông NLQ. Tại biên bản xác minh ngày 11/8/2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TH, chính bà C cũng xác nhận phần đất 5.011m^2 là của ông NLQ.

[2.4]- Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C cho rằng do hiểu biết pháp luật thấp kém nên bà C ký xác nhận trong đơn và biên bản xác minh. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện cho bà C cho rằng bà C không ký vào các giấy tờ trên, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C cho rằng các tài liệu trên không hợp pháp vì "đơn của bà C và xác nhận của Ủy ban xã được đánh máy sẵn, trong khi bà C lớn tuổi không biết sử dụng vi tính" nhưng chính Luật sư nộp cho Tòa án đơn xác nhận của bà Cửu ngày 27/7/2017 có hình thức giống. Cụ thể là: Đơn của bà C ngày 27/7/2017 và xác nhận của Ủy ban xã VĐ ngày 27/7/2017 được đánh máy sẵn.

[2.5]- Theo đơn của bà C ngày 27/7/2017 và xác nhận của Ủy ban xã VĐ ngày 27/7/2017 được đánh máy sẵn. Có nội dung: Ngày 29/7/2013 Tổ hòa giải ấp VB tiến hành hòa giải giữa bà C với bà M. Kết quả bà M thống nhất trả lại cho bà C phần đất diện tích 5.011m^2. Thỏa thuận này nếu có là trái pháp luật, vì đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của ông NLQ, Tổ hòa giải ấp lại giải quyết với bà M.

[2.5]- Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện TH phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C: Bà C không chứng minh được bà đã nhận chuyển nhượng phần đất 5.011m^2 này cũng không chứng minh đây là phần đất bà đã sử dụng ổn định lâu dài cho đến nay nên Ủy ban nhân dân huyện TH đã ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà nên không có cơ sở buộc Ủy ban nhân dân huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đối với phần đất 5.011m^2 nói trên cho bà C.

[2.6]- Với những căn cứ nêu trên thì việc Ủy ban nhân dân huyện TH ra quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C đối với diện tích 5.011m^2, tại thửa 72, tờ bản đồ số 10 là có cơ sở. Sau khi bà C khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH ra quyết định 189/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 bác đơn khiếu nại của bà C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA ra quyết định 831/QĐ-UBND ngày 11/3/2016, bác đơn khiếu nại của bà C và giữ nguyên quyết định 189 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, đúng pháp luật nên được giữ nguyên. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và đề nghị hủy án của Luật sư.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 26/2016/HCST ngày 04/11/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc hủy các Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA; Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH và Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của Ủy ban nhân dân huyện TH.

- Bác yêu cầu về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 5.011m^2 đất tọa lạc tại xã VB, huyện TH cho bà C.

Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hành chính sơ thẩm:- Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được trừ 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bà C đã nộp tại biên lai thu số 0000211 ngày 05/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Án phí hành chính phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm bà C đã nộp tại

biên lai thu số 0000475 ngày 16/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- NKK;
- NBK;
- NLQ;
- Lưu: VP (3), HS (2), 14b. (ÁN 08)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Văn Bình